

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 603/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 21 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển
nguồn ngân sách địa phương năm 2019**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI tại kỳ họp thứ Bảy về phê duyệt kế hoạch phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 2116/SKHĐT-TH ngày 17 tháng 12 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương năm 2019 cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các chủ đầu tư để triển khai thực hiện (có danh mục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các chủ đầu tư tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2019 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, các Nghị định và các hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền ban hành và thực hiện các nội dung sau:

- Giải ngân vốn ngân sách địa phương năm 2019 cho các chương trình, dự án theo mức vốn kế hoạch được giao.

- Định kỳ hằng tháng, quý I, 6 tháng, 9 tháng, cả năm báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2019 theo biểu mẫu quy định tại văn bản số 1811/UBND-KT ngày 23/5/2017 của UBND tỉnh về quy định chế độ báo cáo việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công và gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính (Báo cáo tháng gửi trước ngày 22 hàng tháng, báo cáo Quý I trước ngày 05/4/2019, báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 05/7/2019, báo cáo 9 tháng gửi trước ngày 05/10/2019 báo cáo năm gửi trước ngày 10/02/2020) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm toán về tính chính xác các thông tin, số liệu của dự án. Trường hợp phát hiện các thông tin, số liệu không chính xác, phải kịp thời gửi báo cáo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2019 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và điều 46 của Nghị định 77/2015/NĐ-CP ngày 15/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ; các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành; chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- VP Chính phủ (báo cáo);
- Bộ KHĐT, Bộ Tài chính (báo cáo);
- T/T Tỉnh ủy (báo cáo);
- T/T HĐND tỉnh (báo cáo);
- Kiểm toán nhà nước khu vực XII;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Website tỉnh;
- Lưu VT, CV các khối, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Võ Ngọc Thành



TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2018	Dự kiến kế hoạch năm 2019 theo số thông báo của Bộ KHĐT tại văn bản số 7446/BKHĐT-TH	Kế hoạch năm 2019 địa phương giao	Tăng so với số của trung ương	Ghi chú
I	TỔNG SỐ	1.541.099	1.391.290	1.842.620	451.330	
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí	847.720	866.290	866.290	0	
1.1	Vốn cân đối ngân sách tỉnh đầu tư	567.720	586.290	586.290	0	
1.2	Vốn cân đối ngân sách tỉnh phân cấp cho huyện, thị xã, thành phố	280.000	280.000	280.000	0	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	427.000	400.000	755.000	355.000	
3	Xổ số kiến thiết	115.000	125.000	125.000	0	
4	Vốn năm 2017 chưa sử dụng chuyển sang năm 2018	151.379			0	
5	Vốn năm 2018 chưa sử dụng chuyển sang năm 2019			96.330	96.330	
-	Vốn chờ phân bổ nguồn cân đối theo tiêu chí (QĐ số 883/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh)			37.000	37.000	
-	Vốn chờ phân bổ nguồn tiền sử dụng đất (QĐ số 883/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh)			34.320	34.320	
-	Tiền đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2018 (QĐ số 883/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh)			8.400	8.400	
-	Tiền đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2017 chuyển nguồn sang 2018 (QĐ số 468/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh)			16.610	16.610	



KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019
(Ban hành kèm theo Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ BAN ĐẦU																KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2016-2020																KẾ HOẠCH TRUNG HẠN ĐÃ GIAO ĐẾN HẾT NĂM 2018																KẾ HOẠCH NĂM 2019																Chú chú
STT	Danh mục dự án	Thời gian giàn KC-HT	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2018				Kế hoạch năm 2019																																															
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đóng XDCB	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đóng XDCB																																															
	TỔNG SỐ					3.151.880	1.927.000	3.336.701	3.088.232	0	0	1.914.376	1.444.614	3.027.728	1.842.620	0	0																																															
A	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí					2.711.302	1.513.813	2.896.451	2.660.874	-	-	1.821.264	1.364.494	1.703.348	866.290	-	-																																															
I	Vốn trong cân đối theo tiêu chí tình quyết định đầu tư					2.711.302	1.513.813	1.636.451	1.400.874	0	0	981.264	524.494	1.423.348	586.290	0	0																																															
(1)	Dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2018 (Bổ trừ cho các dự án quyết toán dự án hoàn thành còn thiếu vốn)													7.593	7.593						(Cả phụ lục 1 kèm theo)																																											
(2)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2019					511.039	499.657	448.000	447.200	0	0	267.228	206.428	180.772	180.772	0	0																																															
1	Dự án đầu tư xây dựng và phát triển Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng	2018- 2020	Ki hang	Bảo tồn đa dạng sinh học của hệ sinh thái rừng, quản lý tài nguyên thiên nhiên rừng, bảo vệ phòng chống cháy rừng, hạ tầng kỹ thuật lâm nghiệp	1327A/QĐ- UBND ngày 12/10/2011; 900/QĐ- UBND ngày 04/10/2017	33.864	22.483	18.000	18.000			10.150	10.150	7.850	7.850			BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng	HT NSDP bổ trợ 18 tỷ để (Giải đoạn 2011-201 dự án triển khai từ nguồn vốn sự nghiệp và vốn DYNATR)																																													
2	Dường nối thị trấn xã Ayun Pa	2017- 2019	Ayun Pa	Đầu tư xây dựng 08 tuyến đường L=8.407,9m	1000/QĐ- UBND ngày 31/10/2016	45.000	45.000	40.500	40.500			27.200	27.200	13.300	13.300			UBND thị xã Ayun Pa	HT																																													



	Thời gian KC-HT	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn 3 năm đến hết năm 2018				Kế hoạch năm 2019				Chức năng đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định, nghị, thông, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đóng XD/CB	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đóng XD/CB																		
3	Dường nối thị trấn Phái Tục	2017- 2019	Kông Pa	Dầu tư xây dựng 09 tuyến đường L=6,85km	1002/QĐ- UBND ngày 31/10/2016	45.000	45.000	40.500	40.500		28.051	28.051	12.449	12.449			UBND huyện Kông Pa	HT			
4	Dường nối thị trấn Măng Yang	2017- 2019	Măng Yang	Dầu tư xây dựng 03 tuyến đường L=4,68km	1001/QĐ- UBND ngày 31/10/2016	43.000	43.000	38.700	38.700		27.200	27.200	11.500	11.500			UBND huyện Măng Yang	HT			
5	Mua sắm thiết bị dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2016-2020	2018- 2020	Các huyện, TX, TP	Dầu tư 108 bộ thiết bị cho các trường học	966/QĐ- UBND ngày 31/10/2017	40.000	40.000	36.000	36.000		18.200	18.200	17.800	17.800			BOL, DA ĐT XD các CT dân dụng và công nghiệp tỉnh	HT			
6	Cum Công nghiệp Ia Sao, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	2018- 2020	Ayun Pa	XD mới số hạng mục hạ tầng cụm CN trên diện tích 15 ha, San nền 11,7 ha, đường nội bộ D1, D2, D3 với tổng chiều dài 1.146,16m, hệ thống điện, thoát nước.	975/QĐ- UBND ngày 31/10/2017	20.000	20.000	18.000	18.000		10.200	10.200	7.800	7.800			UBND Thị xã Ayun Pa	HT			
7	Thủy lợi Núi Riêng, xã AI Đăk, huyện Chư Sê	2018- 2020	Chư Sê	Đập dâng L=68m, tuyến kãnh và các công trình trên kênh. Đảm bảo năng lực tưới 92ha lúa 2 vụ và tạo nguồn cho 50 ha cây công nghệ ép.	961/QĐ- UBND ngày 30/10/2017	27.866	27.866	25.200	25.200		10.500	10.500	14.700	14.700			UBND huyện Chư Sê	HT			
8	Dường nối thị trấn Đăk Pơ, huyện Đăk Pơ đi xã Kông, Lông Kông, huyện Khang, tỉnh Gia Lai	2018- 2020	Đăk Pơ	Dường cấp V miền núi L=2,5 km, Cầu BTCT, hệ thống thoát nước.	864/QĐ- UBND ngày 21/9/2017	20.000	20.000	18.000	18.000		9.300	9.300	8.700	8.700			UBND huyện Đăk Pơ	HT			



					Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn 3 năm 2018				Kế hoạch năm 2019				Chú đầu tư	Ghi chú
Thời gian KCC-HT	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng tức	Thanh toán nợ đóng XD/CB	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng tức	Thanh toán nợ đóng XD/CB			
9	Đường nội thị, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	2018-2020	Chư Sê	Dầu tư xây dựng 2 tuyến đường nội thị: L= 1.883,4 m, N1: Đường Võ Thị Sáu, L=1.595m; N2: Đường Lê Lợi (Cạch Màng – Quy hoạch số 1), L=288,4m; Hệ thống thoát nước	854/QĐ-UBND ngày 18/9/2017	27.800	27.800	25.000	24.600				12.400	12.000	12.600	12.600					UBND huyện Chư Sê	HT
10	Xây dựng hệ thống 3 đường Khu Bệnh viện đa khoa tỉnh	2018-2020	Pleiku	Trung tâm cấp khi y tế; Đường ống các cơ sở y tế; Đường y tế + các đầu nối...	965/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	38.509	38.509	35.100	35.100				22.000	22.000	13.100	13.100					Bệnh viện Đa khoa tỉnh	HT
11	Chính trang đô thị TP.Pleiku	2018-2020	Pleiku	N1: Nâng cấp, mở rộng đường Hai Bà Trưng (đoạn Lý Thái Tổ - Nguyễn Đình Chiểu), L= 1,105 km; N2: Nâng cấp, mở rộng đường Trần Phú (đoạn Lý Thái Tổ - Lê Lai), L= 770m.	971/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	100.000	100.000	90.000	90.000				50.788	50.788	39.212	39.212					UBND thành phố Pleiku	HT
12	Đường liên xã huyện Dak Đoa, tỉnh Gia Lai	2018-2020	Dak Đoa	Dầu tư 2 tuyến đường cấp IV, L= 14.813 km N1: Đường liên xã Tân Bình - Thị trấn Dak Đoa - xã An Phú; L=7,6km, hệ thống thoát nước; N2: Đường từ xã Trang đá lã Pét; L=7,213km, hệ thống thoát nước	970/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	45.000	45.000	40.500	40.100				26.509	26.109	13.991	13.991					UBND huyện Dak Đoa	HT
13	Dự án sửa chữa, cải tạo, mở rộng trụ sở Tỉnh ủy	Pleiku 2019		Sửa chữa, cải tạo, mở rộng nhà làm việc; Trang thiết bị hệ thống PCCC	1008/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	25.000	25.000	22.500	22.500				14.730	14.730	7.770	7.770					Văn phòng Tỉnh ủy	HT
(3)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019					1.925.269	739.162	901.841	667.064	0	0		708.266	252.296	740.964	152.400	0	0				
1	Dầu tư các xã biên giới huyện Đăk Cờ	2016-2020	Đăk Cờ		171/QĐ-UBND ngày 18/02/2016	30.000	30.000	26.870	26.870				16.930	16.930	5.400	5.400					UBND huyện Đăk Cờ	



																			
	Thời gian gian KC-HT	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2018		Kế hoạch năm 2019				Chức năng đầu tư	Ghi chú
				TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XD/CB	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số		
2	Đầu tư các xã biên giới huyện Ia Grai	2016-2020	Ia Grai	167/QĐ-UBND ngày 16/02/2016	20.000	20.000	17.900	17.900			11.300	11.300	3.600	3.600			UBND huyện Ia Grai		
3	Đầu tư cơ sở hạ tầng các xã biên giới huyện Chư Prông	2016-2020	Chư Prông	1250/QĐ-UBND ngày 29/12/2015	20.000	20.000	17.900	17.900			11.300	11.300	3.600	3.600			UBND huyện Chư Prông		
4	Thủy lợi Ia Puch, xã Ia Puch, huyện Chư Prông	2018-2020	Chư Prông	967/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	53.000	53.000	47.700	47.700			17.500	17.500	15.000	15.000			UBND huyện Chư Prông		
5	Đường liên xã huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	2018-2020	Kông Chro	969/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	45.000	45.000	40.000	40.000			13.500	13.500	13.000	13.000			UBND huyện Kông Chro		
6	Đường nội thị huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	2018-2020	Ia Pa	843/QĐ-UBND, ngày 13/9/2017	38.000	38.000	34.200	34.200			3.400	3.400	14.000	14.000			UBND huyện Ia Pa		
7	Đường nội thị Thị trấn Krông	2018-2020	Kông	949/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	55.600	55.600	50.000	49.600			15.400	15.000	16.000	16.000			UBND huyện Krông		



				Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn đã gộp đến hết năm 2018				Kế hoạch năm 2019				Chức năng đầu tư	Ghi chú
Thời gian KẾ-HTT	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đóng XD/CB			
8	Đường nội thị huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	2018-2020	Chư Pưh	Đầu tư 6 tuyến L=6,466 km	844/QĐ-UBND ngày 13/9/2017	44.500	44.500	40.000	39.600		15.400	15.000	12.000	12.000					UBND huyện Chư Pưh		
9	Đường liên xã huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	2018-2020	Ia Grai	Đầu tư xây dựng 2 tuyến đường liên xã L = 17,4 km, Nhánh 01: Tuyến từ xã Ia Sao đi xã Ia Yok, L=5,27Km; Nhánh 2: Tuyến từ thị trấn Ia Krim đi xã Ia Pêch, L=12,126Km; Hệ thống thoát nước	249/QĐ-UBND ngày 23/1/2017	50.000	50.000	45.000	44.600		16.400	16.000	15.000	15.000					UBND huyện Ia Grai		
10	Đường liên xã IYKa-Dak Ta Lơy, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	2018-2020	Mang Yang	L=10,4km, Dự ứng cấp VI, hệ thống thoát nước; Cầu BTCT	925/QĐ-UBND ngày 12/10/2017	44.500	44.500	40.000	39.600		15.400	15.000	14.000	14.000					UBND huyện Mang Yang		
11	Chinh trang đô thị thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	2018-2020	An Khê	Nâng cấp mở rộng 13 tuyến đường nội thị; Tổng chiều dài các tuyến L= 11,913 km và các hạng mục phụ	968/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	50.000	50.000	45.000	45.000		17.500	17.500	14.000	14.000					UBND thị xã An Khê		
12	Đường nội thị huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	2018-2020	Chư Pưh	Nâng cấp, mở rộng 4 tuyến đường L= 3,514 km, cụ thể: Đường Quang Trung L= 0,832km; Đường Lê Hồng Phong L= 0,954km; Dự ứng Trần phú, L= 0,923km; Đường Nguyễn Văn Linh, L= 0,805 km, hệ thống thoát nước.	862/QĐ-UBND ngày 21/9/2017	31.500	31.500	28.350	28.350		12.310	12.310	14.800	14.800					UBND huyện Chư Pưh	HT	



STT Tên dự án		Thời gian KC-HT	Địa điểm XD	Mô tả dự án	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn đã giáo đến hết năm 2018				Kế hoạch năm 2019				Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đóng XDDB				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đóng XDDB					
13	Dương liên xã Huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	2018- 2020	Ia Pa	Xây dựng L=11,393 km đường giao thông nông thôn cấp A N1: Ia Tróc, L=4,543km, hệ thống thoát nước; N2: Đường từ tỉnh lộ 662 đi Khu dân cư Bì Dông, Bì Đa, L=6,83km, hệ thống thoát nước.	863/QĐ- UBND ngày 21/9/2017	35.000	35.000	31.500	31.500	7.350	7.350	12.000	12.000	UBND huyện Ia Pa								
(4)	Vốn đối ứng các dự án đầu tư bằng NSTW											294.282	60.788									
1	Dự án phát triển giống cây trồng - vật nuôi và thực nghiệm, ứng dụng KHCHN	2016- 2020	Các huyện, Tx, Tp	221a/QĐ- UBND ngày 31/3/2016	80.000	44.000	72.000	39.600	18.104	13.104	18.000	13.000	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở NNPTNT	Bộ tư l3 ý đồng ch Sở KH và CN làm ch đầu tư								
2	Các dự án bảo vệ và phát triển rừng	2011- 2020		1087/QĐ-UBND ngày 20/11/2011, 1066/QĐ- UBND ngày 20/11/2012, 1069/QĐ-UBND ngày 20/11/2013, 1071/QĐ- UBND ngày 20/11/2014, 1073/QĐ-UBND ngày 20/11/2015, 1075/QĐ- UBND ngày 20/11/2016, 1077/QĐ-UBND ngày 20/11/2017, 1079/QĐ- UBND ngày 20/11/2018, 1081/QĐ-UBND ngày 20/11/2019, 1083/QĐ- UBND ngày 20/11/2020	178.465	43.361	16.000	2.160	9.329	5.069	Các Ban quản lý rừng phòng hộ	(Có phục lục 2 Kèr theo)										
3	Hỗ trợ cho chương trình mục tiêu Quốc gia nông thôn mới (KCH & GTNT)																			(Có phục lục 3 Kèr theo)		
4	Vốn đối ứng các dự án ODA do địa phương quản lý		Các huyện, Tx, Tp		1.149.704	134.701	335.421	80.534	0	0	146.903	43.490	101.869	18.620	0	0						
4.1	Dự án chuyển đổi năng nghiệp bền vững tỉnh Gia Lai (VnSAT)	2016- 2020		1992/QĐ-UBND, 205/SLT, 429/QĐ-UBND, KĐ ngày 26/10/15	174.086	65.575	34.250	34.250	17.800	17.800	5.900	5.900	Sở NN & PTNT									



																												
Thời gian	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư ban đầu						Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020						Kế hoạch trung hạn 3 năm đến hết năm 2018						Kế hoạch năm 2019						Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ đọng XD/CB	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ đọng XD/CB													
4.2	Chương trình Mô rừng quy mô về sinh và nước sạch nông thôn theo phương thức dựa trên kết quả	2016-2021		366/QĐ-LBNĐ, TTQT, 46/2015, 3102, 21/7/2016	220.126	31.948	189.131	15.906		42.000	1.000	72.000	8.000			Sở NN & PTNT												
4.3	Dự án chăm sóc sức khỏe nhân dân các tỉnh Tây Nguyên giai đoạn 2	2014-2019		266/QĐ-BYT, ngày 28/12/2014 của Bộ Y tế, 1094/QĐ-UBND, ngày 17/2/2014 UBND tỉnh Gia Lai, 435/QĐ-UBND, ngày 10/6/2018	272.077	14.210	89.072	7.410		66.103	3.690	22.969	3.720			Sở Y tế												
4.4	Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới vay vốn ADB- tiểu dự án tỉnh Gia Lai	2016-2021		QĐ số 219/QĐ-TTg, 28/4/2016 của Thủ tướng CP đã phê duyệt Danh mục ưu tư dự án, QĐ 734 ngày 28/7/2016 của UBND tỉnh	483.415	22.968	22.968	22.968		21.000	21.000	1.000	1.000			Sở KH&ĐT												
5	Vốn đầu ứng chi ương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững							38.110		359.569	11.452	155.084	14.099	0	0													
5.1	Dự kiến hỗ trợ vốn NSDP để thực hiện phần vốn đầu ứng của Dự án giảm nghèo bền vững theo Quyết định số 275/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ											26.255	2.387			UBND huyện Kôngchro												
5.2	Dự ứng chương trình 135									359.569	11.452	128.829	11.712															
+	Huyện K'Bang									37.620	1.202	13.545	1.231			UBND huyện K'Bang												
+	Huyện Ia Pa									21.012	528	5.936	540			UBND huyện Ia Pa												



				Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn hết năm 2018				Kế hoạch năm 2019				Chức danh đầu tư	Ghi chú		
Địa điểm XD	Thời gian KC-IT	Năng lực thiết kế	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn trước	Thanh toán nợ đóng XD/CB				
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Thu hồi các khoản vốn trước	Thanh toán nợ đóng XD/CB				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số							Thu hồi các khoản vốn trước	Thanh toán nợ đóng XD/CB
+	Huyện Kông Chro											42.061	1.351	15.318	1.392					UBND huyện Kông Chro			
+	Huyện Krông Pa											40.948	1.250	14.188	1.290					UBND huyện Krông Pa			
+	Huyện Chư Prông											26.765	688	7.679	698					UBND huyện Chư Prông			
+	Huyện Chư Păh											26.733	939	10.624	966					UBND huyện Chư Păh			
+	Huyện Chư Sê											20.382	689	7.723	702					UBND huyện Chư Sê			
+	Huyện Chư Puh											18.628	712	8.004	728					UBND huyện Chư Puh			
+	Huyện Đăk Đoa											23.288	772	8.664	788					UBND huyện Đăk Đoa			
+	Huyện Đức Cơ											22.396	690	7.755	705					UBND huyện Đức Cơ			
+	Huyện Đăk Pơ											11.779	344	3.831	348					UBND huyện Đăk Pơ			
+	Huyện Phú Thiện											17.157	687	7.663	697					UBND huyện Phú Thiện			
+	Huyện Ia Grai											21.193	545	6.063	551					UBND huyện Ia Grai			



		Thị trấn gian KC-HT	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020						Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2018				Kế hoạch năm 2019						Chú đầu tư	Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đóng XD/CB																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đóng XD/CB				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đóng XD/CB																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
+	Huyện Mang Yang																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										



STT		Tên dự án	Thời gian	Địa điểm	Nội dung thiết kế	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020						Kế hoạch trung hạn 3 năm đầu tiên năm 2018				Kế hoạch năm 2019						Chủ đầu tư	Ghi chú
						TMĐT			Trong đó: NSDP			Trong đó: NSDP			Trong đó: NSDP			Trong đó: NSDP			Trong đó: NSDP						
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tài các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tài các nguồn vốn)	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ đọng XD/CB	Tổng số (tài các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tài các nguồn vốn)	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ đọng XD/CB	Tổng số (tài các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ đọng XD/CB				
6	Trụ sở xã Krong, huyện Krong	2019	Krong	Công trình cấp III, 02 tầng DTXD 363m ² , DTS 678,75 m ² , các hạng mục phụ	409/QĐ-UBND ngày 11/10/2018	7.000	7.000	7.000	6.300	6.300			100	100	6.200	6.200				6.200	6.200			UBND huyện Đăk Că	HT		
7	Trụ sở xã Ia Dom, huyện Đăk Că	2019	Đăk Că	Công trình cấp III, 02 tầng DTXD 363m ² , DTS 678,75 m ² , các hạng mục phụ	2454/QĐ-UBND ngày 02/10/2018	7.000	7.000	7.000	6.300	6.300			100	100	6.200	6.200				6.200	6.200			UBND huyện Mang Yang	HT		
8	Trụ sở xã Đăk Djang, huyện Mang Yang	2019	Mang Yang	Công trình cấp III, 02 tầng DTXD 326,5m ² , DTS 626,5 m ² , các hạng mục phụ	2536/QĐ-UBND ngày 28/9/2018	7.000	7.000	7.000	6.300	6.300			100	100	6.200	6.200				6.200	6.200			Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi	HT		
9	Sửa chữa nâng cấp đập Ia Lom, Pict Wao và đập An Mỹ, thành phố Pleiku	2019-2020	Pleiku	Sửa chữa nâng cấp đập Ia Lom: Trần xã lư, gia cố mái, kênh tưới. Sửa chữa, nâng cấp đập Pict Wao: Trần xã lư, kênh tưới. Sửa chữa, nâng cấp đập An Mỹ: Trần xã lư, công lấy nước.	116/QĐ-SKHD ngày 05/10/2018	2.701	2.701	2.701	2.700	2.700			60	60	2.150	2.150				2.150	2.150			UBND huyện Đăk Đoa	HT		
10	Đường từ thị trấn Đăk Đoa đi xã ITNeng, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai	2019-2020	Đăk Đoa	L=6.632 km, đường cấp VI, công trình thoát nước, an toàn giao thông	3466/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	9.999	9.999	9.999	9.000	9.000			200	200	8.800	8.800				8.800	8.800			UBND huyện Phú Thiện	HT		
11	Đường nội thị thị trấn Phú Thiện, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	2019-2020	Phú Thiện	Nâng cấp, mở rộng 2 tuyến đường nội thị Đường D21, L=714,9m, hệ thống thoát nước. Đường D28, L=1.214,25m, Hệ thống thoát nước.	124/QĐ-SKHD ngày 23/10/2018	13.400	13.400	13.400	12.060	12.060			260	260	11.800	11.800				11.800	11.800			UBND huyện Phú Thiện	HT		
12	Đường liên xã huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	2019-2020	Phú Thiện	Xây dựng mới công trình giao thông cấp V, L=5,3 km (N1: đường từ xã Chưch Peman đến kênh chính Ayun Hê (điểm 8), L=2,6km; hệ thống thoát nước; N2: Đường vào xã Ia Pim, L=2,7km; hệ thống thoát nước.	124/QĐ-SKHD ngày 30/10/2018	14.500	14.500	14.500	13.050	13.050			250	250	12.800	12.800				12.800	12.800			UBND huyện Phú Thiện	HT		



		Thời gian KC-HT	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn 3 năm đến hết năm 2018				Kế hoạch năm 2019				Chưa đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XD/CB	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước		
13	Chính trang đồ thị huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	2019-2020	Ia Pa	Dầu tự 03 tuyến L=2,38km; N1: Đường Trường Chinh (đoạn Hùng Vương - Lê L-0) L=0,83km; N2: Đường Lê L-0 (đoạn Võ Thị Sáu - Trường Chinh) L=0,64km; N3: Đường Võ Thị Sáu (đoạn Trần Hưng Đạo - Lê L-0) L=0,91km; Hệ thống thoát nước	142/QĐ-SKHĐT ngày 31/10/2018	11.200	11.200	10.000	10.000	200	200	9.800	9.800							UBND huyện Ia Pa	HT	
14	Nhà làm việc các phòng ban huyện Chư Prah	2019-2020	Chư Prah	Nhà Cấp III, 3 tầng, DTXD 594m2, DTTS 1.400m2, thi ết bị và các hạng mục phụ	199/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	9.000	9.000	8.100	8.100	200	200	7.900	7.900							UBND huyện Chư Prah	HT	
15	Chính trang đồ thị huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai	2019-2021	Đăk Pơ	Thăm bổ tổng nhua 4 tuyến đường, L=2,93km: - Nguyễn Tài Thành (Lê L-0 - Trần Hưng Đạo) L=0,6 km, - Nguyễn Minh Châu (Trần Phú - Chư Văn An) L=0,65 km, - Trần Phú (Quang Trung - QL 19) L=0,8 km, - Trần Hưng Đạo (Nguyễn Tài Thành - Chư Văn An) L=0,9 km	140/QĐ-SKH ngày 30/10/2018	11.200	11.200	10.000	10.000	200	200	9.500	9.500							UBND huyện Đăk Pơ	HT	
16	Dầu tư thiết bị, cơ sở vật chất nghề trong điểm quốc gia và khu vực - trường Cao đẳng nghề Gia Lai	2019-2020	Plieku	Dầu tư các thi ết bị dạy nghề: Diện công nghiệp, công nghệ sinh học, hàn, kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính, nh ả tước DTXD 1.000 m2.	1073/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	21.000	21.000	18.900	18.900	200	200	12.000	12.000							BỘ DA DTXD các CT dân dụng và công nghiệp tỉnh		
17	Đường làm sở chỉ huy c ở ban huyện Chư Prông	2018-2020	Chư Prông					27.000	27.000	400	400	7.000	7.000							Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		



		Thời gian KẾ-HIT	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn 5 năm 2018				Kế hoạch năm 2019				Chức năng đầu tư	Chức năng
Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP									
		Thu hồi các khoản vốn trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi các khoản vốn trước		Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi các khoản vốn trước	Thanh toán nợ đọng XDCB														
18	Đường hầm số chỉ huy cơ bản huyện Chư Păh	2018-2020	Chư Păh						27.000	27.000			400	400	7.000	7.000			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh			
19	Đầu tư mở rộng khả năng thử nghiệm, kiểm định trong lĩnh vực Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	2019-2020	Pleiku	Nâng cấp mở rộng các phòng thí nghiệm, thử nghiệm, kiểm định; cải tạo cơ sở vật chất hiện có; đầu tư thiết bị thí nghiệm, thử nghiệm, kiểm định	1069/QĐ-UBND ngày 26/10/2018		20.000	20.000	18.000	18.000			400	400	9.000	9.000			Sở Khoa học và Công nghệ			
20	Nâng cấp Trung tâm Công nghệ thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường	2019-2020	Pleiku	Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, Xây dựng hệ thống thông tin TNMT, đào tạo nguồn nhân lực	1031/QĐ-UBND ngày 11/10/2018		20.000	20.000	18.000	18.000			400	400	10.587	10.587			Sở Tài nguyên Môi trường			
21	Trường THCS Phan Đình Phùng, xã Ia Grai, huyện Ia Grai	2019-2020	Ia Grai	Nhà học bộ môn, 02 tầng, DT5713 m2; nhà hiên bộ, thư việnDTXD 280 m2; nh ăn đa năng, DTXD 495 m2 và các hạng mục phụ.	139/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2018		14.995	14.995	13.500	13.500			300	300	7.000	7.000			UBND huyện Ia Grai			
22	Chỉnh trang đô thị huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	2019-2021	Chư Sê	Nâng cấp, mở rộng 8 tuyến đường, L=6,234km, hệ thống thoát nước	1057/QĐ-UBND ngày 23/10/2018		50.000	50.000	30.000	30.000			1.000	1.000	25.000	10.000			UBND huyện Chư Sê	Bổ tư vốn từ nguồn cần đầu tư theo tiêu chí tự động, tiền sử dụng đất 15 tỷ đồng		
23	Trụ sở UBND và UBND huyện Đak Đoa	2019-2020	Đak Đoa	Công trình cấp II, Nhà 4 tầng, DT 1.800 m2 và các hạng mục phụ	1088/QĐ-UBND ngày 31/10/2018		20.000	20.000	18.000	18.000			400	400	9.000	9.000			UBND huyện Đak Đoa			
II	Vốn trong các đầu theo tiêu chí huyện, thị xã, thành phố quyết định đầu tư								1.260.000	1.260.000	0	0	840.000	840.000	280.000	280.000	0	0		UBND thành phố Pleiku		
I	Thành phố Pleiku								184.500	184.500			123.000	123.000	41.000	41.000						



																				
	Thị trấn điểm XD	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn 4 a giới đến hết năm 2018				Kế hoạch năm 2019				Chức đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tính các nguồn vốn)	Tổng số (tính các nguồn vốn)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đóng XDCB	Tổng số (tính các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tính các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP						
				Tổng số (tính các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tính các nguồn vốn)								Trong đó: NSDP	Tổng số (tính các nguồn vốn)	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đóng XDCB		
2	Thị xã An Khê					71.550	71.550					47.700	47.700	15.900	15.900			UBND thị xã An Khê		
3	Thị xã Ayun Pa					63.900	63.900					42.600	42.600	14.200	14.200			UBND thị xã Ayun Pa		
4	Huyện K'Bang					76.050	76.050					50.700	50.700	16.900	16.900			UBND huyện K'Bang		
5	Huyện Dak Doa					73.350	73.350					48.900	48.900	16.300	16.300			UBND huyện Dak Doa		
6	Huyện Chư Păh					60.750	60.750					40.500	40.500	13.500	13.500			UBND huyện Chư Păh		
7	Huyện Ia Grai					73.350	73.350					48.900	48.900	16.300	16.300			UBND huyện Ia Grai		
8	Huyện Mang Yang					60.300	60.300					40.200	40.200	13.400	13.400			UBND huyện Mang Yang		
9	Huyện Kông Chro					70.200	70.200					46.800	46.800	15.600	15.600			UBND huyện Kông Chro		
10	Huyện Đăc Cơ					58.050	58.050					38.700	38.700	12.900	12.900			UBND huyện Đăc Cơ		
11	Huyện Chư Prông					86.850	86.850					57.900	57.900	19.300	19.300			UBND huyện Chư Prông		
12	Huyện Chư Sê					90.900	90.900					60.600	60.600	20.200	20.200			UBND huyện Chư Sê		
13	Huyện Đăk Pơ					44.550	44.550					29.700	29.700	9.900	9.900			UBND huyện Đăk Pơ		
14	Huyện Ia Pa					59.850	59.850					39.900	39.900	13.300	13.300			UBND huyện Ia Pa		
15	Huyện Krông Pa					79.200	79.200					52.800	52.800	17.600	17.600			UBND huyện Krông Pa		



			Thời gian KC-HIT	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư ban đầu										Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn 4 năm đến hết năm 2018				Kế hoạch năm 2019				Chú đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP											
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn trước				Thanh toán nợ đọng XDCB	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn trước	Thanh toán nợ đọng XDCB					
16		Huyện Phú Thiện								53.550		53.550				35.700	35.700	11.900	11.900					UBND huyện Phú Thiện					
17		Huyện Chư Pưh								53.100		53.100				35.400	35.400	11.800	11.800					UBND huyện Chư Pưh					
B		Trên sử dụng đất				116.709	116.709		89.600	89.600	0	0	0	0	20.150	20.150	765.000	755.000	0	0	0	0		(Cả phụ lục 4 kèm theo)					
1		Thu tiền sử dụng đất của tỉnh				116.709	116.709		89.600	89.600	0	0	0	0	20.150	20.150	279.000	269.000	0	0	0	0	Sở Tài nguyên và Môi trường						
L1		Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất															26.900	26.900											
L2		Trích nộp 30% quỹ phát triển đất của tỉnh															72.630	72.630											
L3		Trên sử dụng đất của tỉnh đầu tư				116.709	116.709		89.600	89.600	0	0	0	0	20.150	20.150	179.470	169.470	0	0	0	0							
(I)		Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2019				37.000	37.000		32.900	32.900	0	0	0	0	18.550	18.550	14.350	14.350	0	0	0	0							
1		Dường từ xã Nghĩa Hòa huyện Chư Pưh đi xã Ia Sao, Ia Yok huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	2018-2019	Chư Pưh	Công trình giao thông nông thôn cấp A, L=6,65 km, hệ thống thoát nước. N1: L=3,7km; N2: L=2,95km.	111/QĐ-UBND ngày 22/2/2017	17.000	17.000	15.100	15.100					8.250	8.250	6.850	6.850					UBND huyện Chư Pưh						



																				





																								
(3)	Bổ trợ vốn hỗ trợ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới				Năng lực thiết kế		Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch tương hạn đã giao đến hết năm 2018				Kế hoạch năm 2019				Chú đầu tư	Chú chú
							TMDT		Trong đó: NSDP		Trong đó: NSDP		Trong đó: NSDP		Trong đó: NSDP		Trong đó: NSDP							
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XD/CB	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XD/CB					
II	Thu tiền sử dụng đất huyện, thị xã, thành phố																486.000	486.000			(Có phụ lục 4 kèm theo)			
1	Chi bất thường, hỗ trợ tái định cư và các chi phí liên quan khác theo quy định																291.600	291.600						
2	Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất																48.600	48.600						
3	Trích nộp 30% quỹ phát triển đất của tỉnh																43.740	43.740						
4	Trên sử dụng đất còn lại dành cho đầu tư																102.060	102.060						
C	Vốn số kế toán thiết							323.869	296.477	350.650	337.758	0	0	72.962	59.970		125.000	125.000	0	0		0		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2019							19.000	19.000	16.850	16.550	0	0	8.817	8.517		8.033	8.033	0	0				



			Thời gian KC-HT		Địa điểm XD		Nội dung thực hiện		Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn 5 năm giao đến hết năm 2018				Kế hoạch năm 2019				Chức năng đơn vị		Ghi chú									
									Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số		Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ đóng XD/CB		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số		Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ đóng XD/CB			
1			Phân hiệu trường THPT Trưng Chinh (nay là THPT Trần Cao Vân), xã Ia Hít, huyện Chư Sê		Chư Sê		Nhà hiệu bộ: 02 tầng, DTS 471 m ² , Nhà học bộ môn: 02 tầng, DTS 699 m ² , nhà đa năng, DTXD 564 m ² , thi đấu và các hạng mục phụ		111/QĐ- SRHDT ngày 20/10/2017		10.000		10.000		9.000		8.700						4.817		4.517		4.183		4.183				BQL DA DTXD các CT dân dụng và công nghiệp tỉnh		HT	
2			Đầu tư xây dựng mới 03 trạm y tế xã Yang Bắc, Ya Hít và Tân An		Đak Pơ		Nhà làm việc, DTXD 254 m ² + thiết bị và các hạng mục phụ/trạm		14/QĐ- UBND ngày 23/01/2017		9.000		9.000		7.850		7.850						4.000		4.000		3.850		3.850				UBND huyện Đak Pơ		HT	
(2)			Dự án chuyển tiếp ho an thành sau năm 2019								180.000		152.608		161.300		148.708		0		0		46.865		34.273		34.967		34.967		0		0			
1			Trường phổ thông DTNT huyện Đăk Că (nay là trường THCS dân tộc nội trú huyện Đăk Că), thị trấn Chư Ty, huyện Đăk Că		Đăk Că		Nhà học lý thuyết 6 phòng + thực hành DTS 1.256m ² , nhà hiệu bộ + thư viện DTS 482 m ² , KTX nam DTS 683 m ² , KTX nữ DTS 596m ² , nhà ăn, bếp DTXD 343 m ² , thi đấu và các hạng mục phụ		308/QĐ- UBND ngày 21/4/2017		30.000		30.000		27.000		26.100						12.900		12.000		7.000		7.000				BQL DA DTXD các CT dân dụng và công nghiệp tỉnh			
2			Đầu tư trang thiết bị cho bệnh viện tuyến tỉnh		Pleiku		HPP1: Trang thiết bị cho Bệnh viện nhi; HPP2: Trang thiết bị bệnh viện tuyến tỉnh.		988/QĐ- UBND ngày 31/10/2016; 934/QĐ- UBND ngày 19/10/2017		150.000		122.608		134.300		122.608						33.965		22.273		27.967		27.967				BQL DA DTXD các CT dân dụng và công nghiệp tỉnh			
(3)			Dự án khởi công mới								124.869		124.869		112.500		112.500		0		0		2.280		2.180		62.000		62.000		0		0			
1			Trường THCS Trần Phú, xã K'Dang, huyện Đak Đoa		Đak Đoa		Nhà học bộ môn: 02 tầng, DTS 664 m ² ; Nhà đa năng, DTXD 408 m ² ; các hạng mục phụ.		3521/QĐ- UBND ngày 17/9/2018		7.000		7.000		6.300		6.300						140		140		6.160		6.160				UBND huyện Đak Đoa		HT	



																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--



																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			
---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--



				Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn 5 năm đến hết năm 2018				Kế hoạch năm 2019				Chức danh tư	Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																				
Số quyết định, ngày, ban hành	TMĐT	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)



	Thời gian KC-HT	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020			Kế hoạch trung hạn 3 năm đến hết năm 2018			Kế hoạch năm 2019			Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số NSDP				Thu hối các khoản vốn ứng trước			Thanh toán nợ đóng XDCB
III	Tiền do đặc, đang ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2018 (QĐ số 885/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)															Sở Tài nguyên và Môi trường	Bổ trí cho dự án do đặc, sử dụng đất của tỉnh	
IV	Tiền do đặc, đang ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2017 (chuyển nguồn sang 2018 (QĐ số 468/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh)																Sở Tài nguyên và Môi trường	Bổ trí cho dự án do đặc, sử dụng đất của tỉnh



DANH MỤC DỰ ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÀN DỰ ÁN HOÀN THÀNH CÒN THIẾU VỐN
(Bàn thành kèm theo Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 21/22/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Danh vi, Triệu đồng

 <											
---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

STT	Dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bỏ từ đến hết kế hoạch năm 2018	Giá trị quyết toán được duyệt	Lấy kế giải ngân từ KC đến hết kế hoạch năm 2018	Số vốn còn thiếu sau khi quyết toán dự án hoàn thành	Chức danh tư	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						
1	Trường THPT - THCS Nguyễn Huệ, phường Đoàn Kết, thị xã Ayun Pa	Khang	2016	162/QĐ-SKHDT ngày 30/10/2015	8.000.000	7.500.000	7.732.374	7.499.994	232.380	UBND huyện Khang	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 60/QĐ-STC ng.ay 29/8/2016
2	Trường THPT - THCS Nguyễn Bá Ngọc, xã Chư A Thiệp huyện Cửu Định	Phù Thiện	2016	163/QĐ-SKHDT ngày 30/10/2015	7.000.000	6.500.000	6.524.055	6.465.955	58.100	UBND huyện Phù Thiện	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 56/QĐ-STC ng.ay 19/4/2018
3	Trường THCS Kưm Đòng xã Ia O, huyện Chư Prông	Chư Prông	2016	163/QĐ-SKHDT ngày 30/10/2015	7.994.000	7.500.000	7.479.919	7.467.073	12.846	UBND huyện Chư Prông	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 80/QĐ-STC ng.ay 19/10/2017
4	Trường THCS Phan Bội Châu, xã Ia Yok, huyện Ia Grai	Ia Grai	2017	791/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	5.000.000	4.500.000	4.789.861	4.497.604	292.200	UBND huyện Ia Grai	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 144/QĐ-UBND ng.ay 21/3/2018
5	Trường trung học cơ sở Ngô Quyền, xã Ia Rmok, huyện Krông Pa	Krông Pa	2017	1037/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	8.000.000	7.200.000	7.960.620	7.200.000	760.620	UBND huyện Krông Pa	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 178/QĐ-UBND ng.ay 25/5/2018
6	Trường THCS xã Ayun, huyện Mang Yang	Mang Yang	2016-2017	963/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	14.431.084	12.988.000	13.046.802	12.982.800	64.002	UBND huyện Mang Yang	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 723/QĐ-UBND ng.ay 25/7/2018
7	Trường THCS Nguyễn Huệ, phường Đoàn Kết, thị xã Ayun Pa	Ayun Pa	2016	1171/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	6.999.000	6.500.000	6.794.720	6.500.000	294.720	UBND thị xã Ayun Pa	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 01/QĐ-STC ng.ay 08/10/2018
8	Trường THCS Phan Bội Châu, xã Ia Nan, huyện Đăc Cơ	Đăc Cơ	2017	3416a/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	4.000.000	3.600.000	3.636.860	3.600.000	36.860	UBND huyện Đăc Cơ	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 870/QĐ-UBND ng.ay 17/4/2017
9	Dự án mua sắm thiết bị dạy và học ngoài trời các trường tiểu học, THCS công lập trên địa bàn tỉnh	Các huyện, thị xã, thành phố	2014-2015	1602/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	94.941.000	94.040.772	94.940.999	94.040.772	900.227	Ban QL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 1021/QĐ-UBND ng.ay 08/10/2018
B. VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG											
1	Dự án thiết bị bệnh viện huyện Mang Yang	Mang Yang	2015	125/QĐ-SKHDT ngày 31/10/2014	6.748.000	6.700.000	6.544.731	6.484.863	59.868	Ban QL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 56/QĐ-STC ng.ay 02/8/2016
2	Đường Bạch Đằng thị trấn Phú Trục huyện Krông Pa	Krông Pa	2014	144/QĐ-SKHDT ngày 31/10/2013	7.479.490	6.780.000	6.785.710	6.780.000	5.710	UBND huyện Krông Pa	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 87/QĐ-STC ng.ay 04/1/2017
3	Đường vào xã Đê Ac, huyện Mang Yang	Mang Yang	2014-2015	1055/QĐ-UBND 31/10/2013	34.802.590	29.710.000	29.734.354	29.710.000	24.354	Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 57/QĐ-UBND ng.ay 16/01/2017
4	Nâng cao năng lực quản trị và phân tích môi trường tỉnh Gia Lai	Pleiku	2014-2017	1064/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	34.778.997	31.200.000	31.645.822	31.200.000	445.822	Sở Tài nguyên và Môi trường	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 1019/QĐ-UBND ng.ay 08/10/2018



16



CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững
Các dự án bảo vệ và phát triển rừng
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 11/2/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng													
STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đến năm 2018		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2019					Chức năng đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó: NSDP (DTP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB			
	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững												
	Các dự án bảo vệ và phát triển rừng												
1	Dự án BV và PTR giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 của Ban QL RPH Hà Ra (Mang Yang).	640/QĐ-UBND ngày 3/10/2011; 1067/QĐ-UBND ngày 29/11/2017	178.465	43.361	104.733	16.427	9.329	5.069	0	0	BQLRPH Hà Ra	TRỒNG 55 ha và Chăm sóc rừng trồng chuyển tiếp	
2	Dự án BV và PTR giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 của Ban QL RPH Bắc Biển Hồ, (TP Pleiku; Chư Păh; Ia Grai).	1363A/QĐ-UBND ngày 19/10/2011; 1071/QĐ-UBND ngày 29/11/2017	38.289	10.159	30.674	7.922	1.372	1.372			Ban QL RPH Bắc Biển Hồ	Chăm sóc rừng trồng	
3	Dự án BV và PTR giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 của Ban QL RPH Bắc Ia Grai, (Ia Grai).	1355A/QĐ-UBND ngày 17/10/2011; 1069/QĐ-UBND ngày 29/11/2017	35.134	2.744	25.672	2.744					Ban QL RPH Bắc Ia Grai	Chăm sóc rừng trồng Bồ từ tư nguồn chỉ trả DV MTR	
4	Dự án BV và PTR giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 của Ban QL RPH Mang Yang.	1366/QĐ-UBND ngày 20/10/2011; 1068/QĐ-UBND ngày 29/11/2017	21.999	4.970	12.890		1.705	725			Ban QL RPH Mang Yang	Trồng 30ha và chăm sóc rừng phòng hộ chuyển tiếp	
5	Dự án BV và PTR giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 của Ban QL RPH Đông Bắc Chư Păh	QB 133/QĐ-KHDT ngày 21/9/2011; 1072/QĐ-UBND ngày 29/11/2017	22.703	4.325	13.010	1.272	1.300	400			BQLRPH Đông Bắc Chư Păh	Trồng 30ha và chăm sóc rừng phòng hộ chuyển tiếp	
6	Dự án BV và PTR giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 của Ban QL RPH Ia Puch	183/QĐ-KHDT ngày 24/10/2011; 109/QĐ-SKHDT ngày 20/10/2017	9.286	4.831	1.789	102	1.406	506			BQLRPH Ia Puch	Trồng 30ha và chăm sóc rừng phòng hộ chuyển tiếp	
7	Dự án bảo vệ và phát triển rừng của Ban QL RPH Nam Sông Ba	853/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 và 83/QĐ-SKHDT ngày 5/7/2018	12.782	6.926			1.420	1.420			BQLRPH Nam Sông Ba	Trồng rừng phòng hộ 50 ha	

Đơn vị: Triệu đồng



KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI ỨNG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên chương trình/ dự án thành phần chương trình	Kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2020 được cấp có thẩm quyền thông qua	Lũy kế số vốn đã bố trí đến năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
A	VỐN CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KIẾN CỐ HÓA KÊNH MƯƠNG VÀ GIAO THÔNG NÔNG THÔN)	30.000	10.000	10.000	
1	Thị xã An Khê	650	650	0	
2	Thị xã Ayun Pa	3.161	1.055	1.050	
3	Huyện Chư Prông	1.488	500	495	
4	Huyện Chư Sê	8.546	2.850	2.845	
5	Huyện Đak Đoa	2.487	830	830	
6	Huyện Ia Grai	3.555	1.185	1.185	
7	Huyện Mang Yang	1.819	610	605	
8	Huyện Phú Thiện	8.294	2.320	2.990	
B	NGUỒN XÓ SỔ KIẾN THIẾT	60.000	15.000	20.000	
I	Thị xã An Khê	3.428	856	1.160	
1	Xã Song An	1.714	428	580	
2	Xã Tú An	1.714	428	580	
II	Thị xã Ayun Pa	5.142	1.284	1.710	
1	Xã Ia Rbol	1.714	428	570	
2	Xã Chư Băh	1.714	428	570	
3	Xã Ia Sao	1.714	428	570	
III	Huyện Chư Păh	6.856	1.712	2.280	
1	Xã Ia Mơ Nông	1.714	428	570	
2	Xã Nghĩa Hòa	1.714	428	570	
3	Xã Hòa Phú	1.714	428	570	
4	Xã Ia Khuol	1.714	428	570	
IV	Huyện Chư Prông	3.428	856	1.140	
1	Xã Ia Bông	1.714	428	570	
2	Xã Ia Lâu	1.714	428	570	
V	Huyện Chư Sê	5.142	1.284	1.710	
1	Xã Bar Măih	1.714	428	570	
2	Xã Ia Ko	1.714	428	570	



STT	Tên chương trình/ dự án thành phần chương trình	Kế hoạch vốn giai đoạn 2016- 2020 được cấp có thẩm quyền thông qua	Lũy kế số vốn đã bố trí đến năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
3	Xã Kông Htok	1.714	428	570	
VI	Huyện Đak Đoa	3.428	856	1.140	
1	Xã H'Neng	1.714	428	570	
2	Xã Hà Bàu	1.714	428	570	
VII	Huyện Đak Pơ	5.142	1.284	1.740	
1	Xã An Thành	1.714	428	580	
2	Xã Ya Hội	1.714	428	580	
3	Xã Yang Bắc	1.714	428	580	
VIII	Huyện Đức Cơ	1.714	428	570	
1	Xã Ia Nan	1.714	428	570	
IX	Huyện Ia Grai	5.142	1.284	1.710	
1	Xã Ia Dêr	1.714	428	570	
2	Xã Ia Bả	1.714	428	570	
3	Xã Ia O	1.714	428	570	
X	Huyện Ia Pa	3.428	856	1.140	
1	Xã Ia Mron	1.714	428	570	
2	Xã Ia Tul	1.714	428	570	
XI	Huyện Kbang	1.724	448	570	
1	Xã Tơ Tung	1.724	448	570	
XII	Huyện Krông Pa	5.142	1.284	1.710	
1	Xã Phú Cần	1.714	428	570	
2	Xã Ia Mlăh	1.714	428	570	
3	Xã Chư Gu	1.714	428	570	
XIII	Huyện Mang Yang	3.428	856	1.140	
1	Xã Đak Ta Ley	1.714	428	570	
2	Xã A Yun	1.714	428	570	
XIV	Huyện Phú Thiện	6.856	1.712	2.280	
1	Xã Ia Ake	1.714	428	570	
2	Xã Ia Peng	1.714	428	570	
3	Xã Ia Piar	1.714	428	570	
4	Xã Chrôh Ponan	1.714	428	570	

Phụ lục 4

TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT KẾ HOẠCH NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Thu tiền sử dụng đất năm 2019	Chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư và các chi phí liên quan khác theo quy định	Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Tiền sử dụng đất còn lại	Gồm	
						Trích nộp 30% quỹ phát triển đất của tỉnh	Tiền sử dụng đất còn lại dành cho đầu tư
I	Thu tiền sử dụng đất của tỉnh	269.000		26.900	242.100	72.630	169.470
II	Thu tiền sử dụng đất của huyện, thị xã, thành phố	486.000	291.600	48.600	145.800	43.740	102.060
1	Thành phố Pleiku	300.000	180.000	30.000	90.000	27.000	63.000
2	Thị xã An Khê	16.000	9.600	1.600	4.800	1.440	3.360
3	Huyện Mang Yang	7.000	4.200	700	2.100	630	1.470
4	Huyện Đăk Đoa	10.000	6.000	1.000	3.000	900	2.100
5	Huyện Khang	7.000	4.200	700	2.100	630	1.470
6	Huyện Kông Chro	4.000	2.400	400	1.200	360	840
7	Huyện Chư Sê	50.000	30.000	5.000	15.000	4.500	10.500
8	Thị xã Ayun Pa	6.500	3.900	650	1.950	585	1.365
9	Huyện Krông Pa	9.000	5.400	900	2.700	810	1.890
10	Huyện Chư Prông	20.000	12.000	2.000	6.000	1.800	4.200
11	Huyện Đức Cơ	13.000	7.800	1.300	3.900	1.170	2.730
12	Huyện Iagrai	12.000	7.200	1.200	3.600	1.080	2.520
13	Huyện Chư Păh	11.000	6.600	1.100	3.300	990	2.310
14	Huyện Ia Pa	1.000	600	100	300	90	210
15	Huyện Đăk Pơ	6.000	3.600	600	1.800	540	1.260
16	Huyện Phú Thiện	3.500	2.100	350	1.050	315	735
17	Huyện Chư Păh	10.000	6.000	1.000	3.000	900	2.100
	Tổng cộng (I+II)	755.000	291.600	75.500	387.900	116.370	271.530